

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-43
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-43



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/07/2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Chủ tịch	
Ông Phạm Minh Sơn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên	
Bà Phan Thu Anh	Ủy viên	
Bà Định Thị Chuyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13/04/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hà	Trưởng ban
Ông Lê Công Thuận	Thành viên
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015



Số: 1288/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1



Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		928.199.762.254	868.415.202.540
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29.955.854.141	22.326.213.955
111	1. Tiền		23.568.710.708	21.526.496.022
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.387.143.433	799.717.933
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.625.675.377	9.937.959.600
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13.787.064.477	14.172.998.743
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.161.389.100)	(4.235.039.143)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		743.927.877.395	735.892.044.974
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	122.418.874.983	134.960.230.620
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		321.603.923.746	301.065.810.984
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	325.186.034.976	320.967.964.696
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.280.956.310)	(21.101.961.326)
140	IV Hàng tồn kho	8	121.684.065.001	88.568.957.096
141	1. Hàng tồn kho		121.684.065.001	88.568.957.096
150	V Tài sản ngắn hạn khác		21.006.290.340	11.690.026.915
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		616.916.908	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.718.016.484	11.191.582.961
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	671.356.948	498.443.954
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		326.528.752.782	326.563.017.850
210	I Các khoản phải thu dài hạn		8.500.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	8.500.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN DÀI HẠN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
220	II Tài sản cố định		19.226.457.491	19.775.788.455
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.074.657.491	16.623.988.455
222	- Nguyên giá		31.897.405.703	31.842.871.654
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.822.748.212)	(15.218.883.199)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III Bất động sản đầu tư	12	58.550.853.114	44.384.025.481
231	- Nguyên giá		79.230.791.291	63.993.967.962
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.679.938.177)	(19.609.942.481)
240	IV Tài sản dở dang dài hạn		55.171.878.960	69.398.787.996
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	55.171.878.960	69.398.787.996
250	V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	184.945.295.298	192.697.518.670
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		20.968.895.429	29.468.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		164.180.849.141	164.180.849.141
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(204.449.272)	(952.225.900)
260	VI Tài sản dài hạn khác		134.267.919	306.897.248
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		134.267.919	306.897.248
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.254.728.515.036	1.194.978.220.390

CÔNG TY
 HỮU HẠN
 "KIẾM"
 KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		939.784.443.579	881.683.356.054
310	I Nợ ngắn hạn		875.931.137.794	821.774.265.145
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	54.751.176.804	16.816.206.290
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		46.994.814.979	50.006.862.550
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	340.151.506	355.786.284
314	4. Phải trả người lao động		2.380.785.632	2.406.215.244
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	2.941.479
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	74.000.000	74.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	29.132.140.841	12.327.570.597
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	741.893.199.966	739.282.008.635
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		364.868.066	502.674.066
330	II Nợ dài hạn		63.853.305.785	59.909.090.909
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	4.853.305.785	4.909.090.909
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	59.000.000.000	55.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		314.944.071.457	313.294.864.336
410	I Vốn chủ sở hữu	18	314.944.071.457	313.294.864.336
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125.948.570.000	125.948.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		125.948.570.000	125.948.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		158.549.656.217	158.549.656.217
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.036.818.982	4.387.611.861
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		4.387.611.861	264.430.255
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.649.207.121	4.123.181.606
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.254.728.515.036	1.194.978.220.390

Đinh Duy Kỳ Vũ
Người lập

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2015 VND	2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	645.698.500.986	826.350.070.971
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		645.698.500.986	826.350.070.971
11	4. Giá vốn hàng bán	20	601.921.080.155	786.343.614.860
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.777.420.831	40.006.456.111
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.483.073.034	9.915.518.172
22	7. Chi phí tài chính	22	41.811.555.995	24.058.736.583
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.969.154.005	18.860.143.072
25	8. Chi phí bán hàng	23	11.145.123.266	13.186.508.327
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	11.785.396.237	8.133.070.606
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.518.418.367	4.543.658.767
31	11. Thu nhập khác	25	157.663.701	499.235.571
32	12. Chi phí khác	26	2.026.874.947	99.080.000
40	13. Lợi nhuận khác		(1.869.211.246)	400.155.571
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.649.207.121	4.943.814.338
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.649.207.121</u>	<u>4.943.814.338</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	94	359









Đinh Duy Kỳ Vũ
Người lập

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		664.760.130.647	812.794.936.075
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(617.549.428.918)	(836.721.153.876)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(13.089.461.216)	(13.403.462.234)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(33.970.303.236)	(18.860.143.072)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		42.280.108.461	14.630.588.707
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(54.328.971.286)	(23.732.733.734)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.897.925.548)	(65.291.968.134)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.376.698.824)	(5.512.966.950)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		40.000.000	150.150.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.877.051.471	14.216.683.173
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		20.540.352.647	8.853.866.223
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		664.868.071.109	854.875.133.286
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(665.961.442.259)	(791.418.962.801)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.521.692)	(6.819.835)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.105.892.842)	63.449.350.650
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.536.534.257	7.011.248.739
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		22.326.213.955	64.314.277.690
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		93.105.929	165.551.064
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	29.955.854.141	71.491.077.493

(Handwritten signatures)



Đình Duy Kỳ Vũ
Người lập

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/07/2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 125.948.570.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 125.948.570.000 đồng; tương đương 12.594.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thú hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê....;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Kinh doanh trang thiết bị y tế, dụng cụ dùng trong ngành về y - dược;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, mỹ phẩm, điện máy, điện lạnh;
- Kinh doanh đồ điện tử, tin học, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất, gia công, lắp ráp các mặt hàng đồ gỗ;
- Sản xuất xe máy;
- Sản xuất đồ điện tử, đồ điện lạnh, đồ gia dụng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ chuyển khẩu, quá cảnh;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, khoáng sản, hàng công nghiệp, hàng gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, phân bón, hóa chất tẩy rửa, cây giống phục vụ nông nghiệp và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;

105 -
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
TỔNG HỢP I
VIỆT NAM
AS

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi: Kinh doanh thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, gia súc, gia cầm; kinh doanh giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản;
- Sản xuất, gia công các mặt hàng dệt may;
- Sản xuất, chế biến, nông, lâm, thủy hải sản;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu sôđa, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;
- Bán buôn các chất phụ gia dùng trong công nghiệp chế biến thực phẩm, thực phẩm chức năng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cho thuê bất động sản
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	H. Thường Tín Tp Hà Nội	Cho thuê kho bãi
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của Công ty liên kết tại thời điểm 31/12/2014 trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.



2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi và/hoặc dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
|--------------------------|-------------|

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Theo đó, TH1 cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa tại Đoàn Xá, Hải Phòng (bao gồm cả các yêu cầu của Đại lý, nhà phân phối, bán buôn, nhà thầu hay đối tác khác có liên quan thông qua đơn hàng của Kowa) và không được chấp nhận bất cứ đơn đặt hàng từ bất kỳ bên nào khác hay không được cung cấp dịch vụ cho bên khác hoặc thỏa thuận khác với bên thứ 3 sử dụng nhà máy, nhân lực và các tài sản liên quan đến Hợp đồng này. Hai bên cùng hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc và sản phẩm để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực nhà máy đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được phân bổ đều (50/50) cho các bên và được trả trong vòng 60 ngày sau kỳ kết thúc trước đó. TH1 phải đảm bảo rằng, toàn bộ nhà máy, máy móc thiết bị đều trong tình trạng hoạt động tốt và thuộc sở hữu của TH1, đồng thời phải duy trì tối thiểu 180 công nhân làm việc trong nhà máy.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/TH1-XD/HĐHTKD ngày 28/04/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là Công ty XDVN) để cùng nhau hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản (quặng, thiếc hoặc các loại quặng khác nếu có) thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. TH1 đồng ý đầu tư 100% vốn để Công ty XDVN thực hiện toàn bộ quá trình mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, điện nước và các chi phí quản lý liên quan khác cho đến khi ra sản phẩm. Ngay khi có sản phẩm, TH1 được quyền định đoạt bán hàng cho đến khi thu hồi đủ các khoản đầu tư ban đầu. Công ty XDVN chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thủ tục về pháp lý, các nghĩa vụ về thuế. Toàn bộ chi phí liên quan đến các điểm mỏ đã được cấp phép do Công ty XDVN bỏ ra trước khi ký hợp đồng sẽ được chấp nhận là khoản đầu tư dài hạn của Công ty XDVN để thực hiện hợp đồng này. Sau khi hoàn vốn, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20%-50% và hưởng lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp.

Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn có thời hạn 6 tháng kể từ ngày 15/09/2014 và bổ sung gia hạn đến 15/08/2015 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.22 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	385.450.905	447.059.953
Tiền gửi ngân hàng	23.183.259.803	21.079.436.069
Các khoản tương đương tiền	6.387.143.433	799.717.933
	29.955.854.141	22.326.213.955

Tại 30/06/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 6.387.143.433 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với lãi suất 4,5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2015				01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	13.787.064.477	14.901.999.500	(2.161.389.100)	14.172.998.743	9.937.959.600	(4.235.039.143)
Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	348.600	199.500	(149.100)	348.600	159.600	(189.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	3.077.040.000	915.800.000	(2.161.240.000)	3.077.040.000	795.300.000	(2.281.740.000)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	10.709.675.877	13.986.000.000	-	11.095.610.143	9.142.500.000	(1.953.110.143)
	13.787.064.477	14.901.999.500	(2.161.389.100)	14.172.998.743	9.937.959.600	(4.235.039.143)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015		01/01/2015		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	20.968.895.429	20.968.895.429	29.468.895.429	28.704.602.057	-	(764.293.372)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	-	-	8.500.000.000	7.735.706.628	-	(764.293.372)
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	20.968.895.429	20.968.895.429	20.968.895.429	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	164.180.849.141	168.305.550.728	164.180.849.141	164.461.067.472	(204.449.272)	(187.932.528)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh (1)	1.200.000.000	995.550.728	1.200.000.000	1.012.067.472	(204.449.272)	(187.932.528)
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (2)	162.980.849.141	167.310.000.000	162.980.849.141	163.449.000.000	-	-
	185.149.744.570	189.274.446.157	193.649.744.570	193.165.669.529	(204.449.272)	(952.225.900)

(1) Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty đang nắm giữ 120.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh tương ứng 5.42% vốn điều lệ.

(2) Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty đang nắm giữ 12.870.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận nhận được		
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	4.284.000.000	13.772.028.000

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Mobile Star	11.372.340.127	10.772.870.190
- Công ty Cổ phần phát triển Phú Khang	1.223.049.955	20.458.338.826
- Các khoản phải thu khách hàng khác	85.891.196.548	79.796.733.251
	122.418.874.983	134.960.230.620

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	325.186.034.976	-	320.967.964.696	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	13.949.365.538	-	18.233.365.538	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.262.608.818	-	3.117.987.152	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	199.140	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.070.847	-
- Tạm ứng	3.274.192.711	-	3.276.024.796	-
- Ký cược, ký quỹ	2.810.200.360	-	2.898.563.263	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung ⁽¹⁾	3.900.116.940	-	3.900.116.940	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ⁽²⁾	6.766.751.269	-	6.766.751.269	-
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ⁽³⁾	282.001.100.000	-	282.001.100.000	-
- Phải thu khác	8.221.500.200	-	772.984.891	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	30/06/2015		01/01/2015	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
b) Dài hạn	8.500.000.000	-	-	-
- Phải thu Bà Phạm Thị Thủy về chuyển nhượng cổ phần	100.000.000	-	-	-
- Phải thu Ông Đặng Hùng Long về chuyển nhượng cổ nhân	8.400.000.000	-	-	-
	<u>333.686.034.976</u>	<u>-</u>	<u>320.967.964.696</u>	<u>-</u>

(1): Khoản tiền phải thu của lô hàng thép cuộn cán nóng các loại có khối lượng là 298,65 tấn đã bị Công ty TNHH Quang Trung làm thất thoát. Theo biên bản làm việc của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Công ty TNHH Quang Trung có trách nhiệm phải bồi thường cho Công ty CP Tổng hợp I giá trị của lô hàng thép cuộn trên.

(2): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17TH1-XD/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là XDVN) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I (gọi tắt là TH1) để hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. Theo đó, TH1 đầu tư vốn cho Công ty XDVN thực hiện trang thiết bị, tài sản, quản lý vận hành khai thác mỏ. Ngay sau khi ra sản phẩm, TH1 được quyền quyết định bán sản phẩm cho đến khi hoàn trả hết các khoản đầu tư. Sau khi hoàn vốn trên cơ sở chi phí thực tế, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20% - 50%.

(3): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (gọi tắt là TH1) về việc hợp tác đầu tư ngắn hạn có thời hạn 6 tháng kể từ ngày 15/09/2014 và bổ sung gia hạn đến 15/08/2015 và đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất huy động vốn của TH1 và tính theo thời gian sử dụng vốn của mỗi đợt hợp tác đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	40.315.912.108	25.787.675.735	40.315.912.108	29.966.670.719
- Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam (*)	23.932.288.353	23.932.288.353	23.932.288.353	23.932.288.353
- Công ty TNHH Kelen Việt Nam	1.333.982.434	-	1.333.982.434	-
- Cty TNHH Nghe Nhìn Nam An	775.762.621	-	775.762.621	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt	5.278.146.104	1.217.400.000	5.278.146.104	5.278.146.104
- Doanh nghiệp Tư nhân Thương Mại Tính Nên	2.026.054.268	446.816.280	2.026.054.268	446.816.280
- Công ty TNHH TM Trúc Tâm	1.409.374.537	-	-	-
- Các khoản nợ xấu khác	5.560.303.791	191.171.102	6.969.678.328	309.419.982
	40.315.912.108	25.787.675.735	40.315.912.108	29.966.670.719

(*) Đối với khoản công nợ Công ty Cổ phần Kim loại Việt Nam mặc dù đã được trích lập dự phòng với số tiền là 10,7 tỷ đồng nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản nợ này là vẫn có thể thu hồi được toàn bộ trong kỳ tiếp theo nên giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.193.605	-	86.691.128	-
Công cụ, dụng cụ	45.228.182	-	1.325.000	-
Hàng hoá	121.605.643.214	-	88.480.940.968	-
	121.684.065.001	-	88.568.957.096	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công trình Kho Liên Phương tại Thanh Trì, Hà Nội	-	145.340.161
Công trình Kho Đoạn Xá tại Đoạn Xá, Hải Phòng	134.977.971	134.977.971
Công trình khu Trưng Mai tại Hoàng Mai, Hà Nội	52.073.522.393	66.155.091.268
Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, HCM	2.963.378.596	2.963.378.596
	55.171.878.960	69.398.787.996

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	22.528.603.753	4.696.627.207	4.348.763.000	268.877.694	31.842.871.654
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	324.930.324	-	-	-	324.930.324
- Thanh lý, nhượng bán	-	(270.396.275)	-	-	(270.396.275)
Số dư cuối kỳ	22.853.534.077	4.426.230.932	4.348.763.000	268.877.694	31.897.405.703
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	9.120.197.754	3.103.977.495	2.745.851.088	248.856.862	15.218.883.199
- Khấu hao trong kỳ	500.706.539	202.939.602	162.606.794	8.008.353	874.261.288
- Thanh lý, nhượng bán	-	(270.396.275)	-	-	(270.396.275)
Số dư cuối kỳ	9.620.904.293	3.036.520.822	2.908.457.882	256.865.215	15.822.748.212
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	13.408.405.999	1.592.649.712	1.602.911.912	20.020.832	16.623.988.455
Tại ngày cuối kỳ	13.232.629.784	1.389.710.110	1.440.305.118	12.012.479	16.074.657.491

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.464.210.000 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.930.588.811 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	733.282.008.635	733.282.008.635	668.572.633.590	662.198.442.259	739.656.199.966	739.656.199.966
<i>Vay ngắn hạn bằng VND</i>	<i>303.322.066.894</i>	<i>303.322.066.894</i>	<i>27.230.870.800</i>	<i>25.332.956.894</i>	<i>305.219.980.800</i>	<i>305.219.980.800</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽²⁾	2.702.324.560	2.702.324.560	7.230.870.800	8.913.214.560	1.019.980.800	1.019.980.800
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.019.742.334	6.019.742.334	-	6.019.742.334	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Á ⁽⁴⁾	291.500.000.000	291.500.000.000	-	9.500.000.000	282.000.000.000	282.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản - Tổng hợp I ⁽⁵⁾	3.100.000.000	3.100.000.000	-	900.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁶⁾	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn bằng USD</i>	<i>429.959.941.741</i>	<i>429.959.941.741</i>	<i>641.341.762.790</i>	<i>636.865.485.365</i>	<i>434.436.219.166</i>	<i>434.436.219.166</i>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD ⁽¹⁾	98.705.741.760	98.705.741.760	98.647.319.863	131.342.357.009	66.010.704.614	66.010.704.614
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾	36.358.149.826	36.358.149.826	55.757.293.420	53.396.694.304	38.718.748.942	38.718.748.942
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽³⁾	115.309.327.691	115.309.327.691	170.123.645.860	172.632.499.293	112.800.474.258	112.800.474.258
- Ngân hàng TMCP Việt Á	55.891.677.679	55.891.677.679	31.573.756.836	87.465.434.515	-	-
- Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁶⁾	23.230.695.634	23.230.695.634	155.868.908.331	39.434.305.465	139.665.298.500	139.665.298.500
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽⁷⁾	65.602.040.501	65.602.040.501	122.750.863.533	112.204.161.182	76.148.742.852	76.148.742.852
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ⁽⁸⁾	34.862.308.650	34.862.308.650	6.619.974.947	40.390.033.597	1.092.250.000	1.092.250.000
b) Vay dài hạn	61.000.000.000	61.000.000.000	4.000.000.000	3.763.000.000	61.237.000.000	61.237.000.000
<i>Kỳ hạn dưới 12 tháng</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>6.000.000.000</i>	-	<i>3.763.000.000</i>	<i>2.237.000.000</i>	<i>2.237.000.000</i>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD ⁽⁹⁾	6.000.000.000	6.000.000.000	-	3.763.000.000	2.237.000.000	2.237.000.000
<i>Kỳ hạn trên 12 tháng</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>	-	<i>59.000.000.000</i>	<i>59.000.000.000</i>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD ⁽⁹⁾	55.000.000.000	55.000.000.000	4.000.000.000	-	59.000.000.000	59.000.000.000
	794.282.008.635	794.282.008.635	672.572.633.590	665.961.442.259	800.893.199.966	800.893.199.966



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/134855/HDTD ngày 04/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn duy trì hạn mức từ 04/10/2014 đến 31/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại phường Đông Hải, quận Hải An, TP.Hải Phòng;
 - Thế chấp xe ô tô Audi A6 (biển kiểm soát 29A-066.28) và xe ô tô Toyota Camry (biển kiểm soát 30H-5732);
 - Thế chấp quyền sở hữu khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại số 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi VND và ngoại tệ tại NH và các tổ chức tín dụng khác mà bên vay là người thụ hưởng và các khoản thu hợp pháp khác của bên vay, tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của bên vay như: hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sở hữu đất, vốn góp, tài sản khác khi có yêu cầu của ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại 30/06/2015 là 3.022.468,16 USD (tương đương 66.010.704.614 VND).
- (2) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số KHTHI140256/HM ngày 19/12/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Được ghi trên từng khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm đối với khoản vay VND, 5%/năm đối với khoản vay USD;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 1.019.980.800 VND và 1.772.836,49 USD (tương đương 38.718.748.942 VND).
- (3) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 2226.1/TB-HĐTD ngày 23/07/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 23/07/2014 đến ngày 23/07/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyên về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh.
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 5.163.674,72 USD (tương đương 112.800.474.258 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

- (4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 11/09/2014 đến ngày 11/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp bên thế chấp trên 435,9m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 282.000.000.000 VND.
- (5) Khoản vay với Công ty Cổ phần Bất động sản - TH1 theo hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐVT ngày 18/02/2014 và các phụ lục gia hạn thời hạn vay bổ sung, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền được vay: 5.600.000.000 đồng (*Năm tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Khoản vay có thời hạn 02 tuần kể từ ngày 18/02/2014 và được gia hạn theo từng phụ lục bổ sung đến 18/08/2015.
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay là 07%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 2.200.000.000 VND.
- (6) Khoản vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300309/HĐTD ngày 31/10/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 17/10/2014, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 20.000.000.000 VND và 6.394.931,25 USD (tương đương 139.665.298.500 VND).
- (7) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT106-XNK TH1 ngày 10/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng (*Tám mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 10/9/2014 đến 31/8/2015, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Quyền đòi nợ luân chuyển giá trị tối thiểu bằng giá trị GHTD mà Ngân hàng đã cấp cho Công ty (không bao gồm các quyền đòi nợ chậm luân chuyển);
 - Đối với các lô hàng nhập khẩu được tài trợ bởi Ngân hàng Công thương thì Tài sản đảm bảo là lô hàng nhập khẩu, ngay khi giao hàng cho đối tác thì tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán lô hàng này.
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 3.486.664,05 USD (tương đương 76.148.742.852 VND).

- (8) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng số 0501/2014/HĐ/HĐTĐHM ngày 08/01/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, lương thực thực phẩm, hóa chất và hoạt động dịch vụ khác phù hợp với đăng ký kinh doanh được cấp của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và thời hạn do VIB toàn quyền quyết định;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB công biên độ, chịu sự điều chỉnh theo quy định lãi suất của VIB từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp;
 - + Số dư nợ vay tại 30/06/2015 là: 50.000 USD (tương đương 1.092.250.000 VND).

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (9) Khoản vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng dài hạn số: 03.134855.2014 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 - + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 19/07/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 61.237.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2015 là 2.237.000.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Tân Đồng Tiến	8.213.000.000	8.213.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2-Vinaconex	1.944.539.170	1.944.539.170	4.957.095.320	4.957.095.320
- Công ty TNHH XNK Kim Cương	20.865.323.894	20.865.323.894	-	-
- K-PHONE TECHNOLOGY CO.,LTD	10.133.685.144	10.133.685.144	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	13.594.628.596	13.594.628.596	11.859.110.970	11.859.110.970
	54.751.176.804	54.751.176.804	16.816.206.290	16.816.206.290

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		355.786.284		8.707.534.149		8.723.168.927		-		340.151.506	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	416.196.598		-		-		-		416.196.598		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	43.367.356		-		98.595.867		179.159.261		123.930.750		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	38.880.000		-		871.341.575		940.603.775		108.142.200		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		30.087.400		53.174.800		23.087.400		-	
	498.443.954		355.786.284		9.707.558.991		9.896.106.763		671.356.948		340.151.506	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	407.688.442	343.984.350
- Bảo hiểm xã hội	85.954.867	13.804.684
- Bảo hiểm y tế	16.746.195	11.882.627
- Bảo hiểm thất nghiệp	33.290.016	17.109.154
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.508.231.455	7.520.753.147
- Phải trả lãi vay	371.026.900	372.176.131
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	3.059.200.000	3.110.800.000
- Phải trả Lợi nhuận tư hợp tác cho Kowa	752.494.405	834.994.405
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (ù y thác)	16.897.508.561	102.066.099
	<u><u>29.132.140.841</u></u>	<u><u>12.327.570.597</u></u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	74.000.000	74.000.000
- Doanh thu nhận trước về cho thuê Nhà xưởng	74.000.000	74.000.000
b) Dài hạn	4.853.305.785	4.909.090.909
- Doanh thu nhận trước về cho thuê Văn phòng	4.853.305.785	4.909.090.909
	<u><u>4.927.305.785</u></u>	<u><u>4.983.090.909</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	7.390.990.564	316.298.243.039
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	4.943.814.338	4.943.814.338
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(6.297.408.000)	(6.297.408.000)
Số dư cuối kỳ trước	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	6.037.396.902	314.944.649.377
Số dư đầu kỳ này	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	4.387.611.861	313.294.864.336
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	1.649.207.121	1.649.207.121
Số dư cuối kỳ này	125.948.570.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	158.549.656.217	6.036.818.982	314.944.071.457

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 Công ty chưa tổ chức đại hội cổ đông, do đó việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa được thực hiện.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước	46.109.770.000	36,61%	46.109.770.000	36,61%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	23.251.530.000	18,46%	23.251.530.000	18,46%
Bà Đỗ Ngọc Rung	25.080.000.000	19,91%	25.080.000.000	19,91%
Vốn góp của cổ đông khác	31.507.270.000	25,02%	31.507.270.000	25,02%
	125.948.570.000	100%	125.948.570.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2015	2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.948.570.000	125.948.570.000
- Vốn góp đầu kỳ	125.948.570.000	125.948.570.000
- Vốn góp cuối kỳ	125.948.570.000	125.948.570.000
d) Cổ phiếu	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.594.857	12.594.857
- Cổ phiếu phổ thông	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41	41
- Cổ phiếu phổ thông	41	41
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.594.816	12.594.816
- Cổ phiếu phổ thông	12.594.816	12.594.816
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	158.549.656.217	158.549.656.217
	158.549.656.217	158.549.656.217
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	637.703.115.589	813.496.970.526
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.995.385.397	12.853.100.445
	645.698.500.986	826.350.070.971
20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	595.351.498.320	779.961.590.658
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.569.581.835	6.382.024.202
	601.921.080.155	786.343.614.860



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.381.145.937	2.665.155.173
Lãi bán các khoản đầu tư	-	121.150.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.356.527.200	5.220.028.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.745.399.897	1.909.184.999
	24.483.073.034	9.915.518.172

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.969.154.005	18.860.143.072
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	67.934.266	428.315.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.079.853.209	2.295.725.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.479.532.706	4.684.763.960
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.821.426.671)	(2.241.499.654)
Chi phí tài chính khác	36.508.480	31.289.203
	41.811.555.995	24.058.736.583

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.143.468	-
Chi phí nhân công	2.690.439.025	3.387.874.203
Chi phí khấu hao tài sản cố định	521.850.407	800.802.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.023.439.505	6.973.978.095
Chi phí khác bằng tiền	905.250.861	2.023.853.788
	11.145.123.266	13.186.508.327

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.394.832	38.129.998
Chi phí nhân công	3.604.793.956	4.041.060.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.532.993	133.813.141
Thuế, phí, lệ phí	101.098.022	102.849.076
Chi phí dự phòng	4.178.994.984	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.819.082.941	2.458.991.580
Chi phí khác bằng tiền	944.498.509	1.358.226.042
	11.785.396.237	8.133.070.606

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

25 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	36.363.636	1.818.180
Thu nhập khác	121.300.065	497.417.391
	157.663.701	499.235.571

26 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.789.406.616	-
Chi phí khác	237.468.331	99.080.000
	2.026.874.947	99.080.000

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.649.207.121	4.943.814.338
Các khoản điều chỉnh tăng	2.024.097.308	99.080.000
- Chi phí không hợp lệ	1.981.976.947	99.080.000
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm trước	42.120.361	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(72.373.227.390)	(68.339.054.090)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.200)	(5.220.028.000)
- Lỗ CLTG đánh giá lại các khoản mục tiền tệ năm trước	-	(9.972.113)
- Lãi CLTG đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	(158.472.227)	(293.147.378)
- Chuyển lỗ các năm trước	(72.214.743.963)	(62.815.906.599)
Thu nhập tính thuế TNDN	(68.699.922.961)	(63.296.159.752)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(416.196.598)	(416.196.598)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(416.196.598)	(416.196.598)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.649.207.121	4.943.814.338
Các khoản điều chỉnh	(467.098.892)	(427.666.659)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
- Lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH Kowa	(467.098.892)	(427.666.659)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.182.108.229	4.516.147.679
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.594.816	12.594.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	94	359

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.519.770.386	1.955.857.768
Chi phí nhân công	14.571.392.539	14.789.911.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	828.010.072	2.067.806.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.560.691.701	11.904.730.024
Chi phí khác bằng tiền	4.065.628.996	9.088.569.673
	34.545.493.694	39.806.876.326

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	29.955.854.141	-	22.326.213.955	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	456.104.909.959	(25.280.956.310)	455.928.195.316	(21.101.961.326)
Đầu tư ngắn hạn	13.787.064.477	(2.161.389.100)	14.172.998.743	(4.235.039.143)
Đầu tư dài hạn	164.180.849.141	(204.449.272)	164.180.849.141	(187.932.528)
	664.028.677.718	(27.646.794.682)	656.608.257.155	(25.524.932.997)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	800.893.199.966	794.282.008.635
Phải trả người bán, phải trả khác	83.883.317.645	29.143.776.887
Chi phí phải trả	-	2.941.479
	884.776.517.611	823.428.727.001

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.955.854.141	-	-	29.955.854.141
Phải thu khách hàng, phải thu khác	422.323.953.649	8.500.000.000	-	430.823.953.649
Đầu tư ngắn hạn	11.625.675.377	-	-	11.625.675.377
Đầu tư dài hạn	-	163.976.399.869	-	163.976.399.869
	463.905.483.167	172.476.399.869	-	636.381.883.036
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.326.213.955	-	-	22.326.213.955
Phải thu khách hàng, phải thu khác	434.826.233.990	-	-	434.826.233.990
Đầu tư ngắn hạn	9.937.959.600	-	-	9.937.959.600
Đầu tư dài hạn	-	163.992.916.613	-	163.992.916.613
	467.090.407.545	163.992.916.613	-	631.083.324.158

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	741.893.199.966	59.000.000.000	-	800.893.199.966
Phải trả người bán, phải trả khác	83.883.317.645	-	-	83.883.317.645
	825.776.517.611	59.000.000.000	-	884.776.517.611

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tại ngày 01/01/2015

Vay và nợ	739.282.008.635	55.000.000.000	-	794.282.008.635
Phải trả người bán, phải trả khác	29.143.776.887	-	-	29.143.776.887
Chi phí phải trả	2.941.479	-	-	2.941.479
	768.428.727.001	55.000.000.000	-	823.428.727.001

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Tổng hợp I - Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam ngày 14 tháng 07 năm 2015 thì hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2104/HTĐT/TH1-HFC sẽ được gia hạn hiệu lực đến ngày 15 tháng 08 năm 2015.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2015	2014	
	VND	VND	
Cổ tức và lợi nhuận được chia			
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	Thành viên HĐQT	-	5.209.584.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	17.356.516.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu về lãi đầu tư, cổ tức			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC)	Cổ đông lớn	4.262.608.818	3.117.987.152
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	13.949.365.538	18.233.365.538

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	630.202.626	725.037.458

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
121	1. Đầu tư ngắn hạn	14.172.998.743	121	1. Chứng khoán kinh doanh	14.172.998.743	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.235.039.143)	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(4.235.039.143)	-
131	1. Phải thu khách hàng	134.960.230.620	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	134.960.230.620	-
132	2. Trả trước cho người bán	301.065.810.984	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	301.065.810.984	-
135	5. Các khoản phải thu khác	314.793.376.637	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	320.967.964.696	6.174.588.059
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.101.961.326)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.101.961.326)	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6.174.588.059	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(6.174.588.059)
230	5. Tài sản xây dựng cơ bản dở dang	69.398.787.996	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	69.398.787.996	-
258	4. Chi phí dài hạn khác	164.180.849.141	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	164.180.849.141	-
259	3. Đầu tư dài hạn khác	(952.225.900)	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(952.225.900)	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	739.282.008.635	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	739.282.008.635	-
312	2. Phải trả người bán	16.816.206.290	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	16.816.206.290	-
313	3. Người mua trả tiền trước	50.006.862.550	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.006.862.550	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	55.000.000.000	318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	74.000.000	74.000.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	4.983.090.909	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	55.000.000.000	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.948.570.000	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	4.909.090.909	(74.000.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	133.260.491.891	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	125.948.570.000	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	25.289.164.326	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	125.948.570.000	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.387.611.861	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	158.549.656.217	25.289.164.326
					(25.289.164.326)	
			421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.387.611.861	-
			421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	264.430.255	-
			421b	LNST chưa phân phối cuối năm này	4.123.181.606	-



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

24	8. Chi phí bán hàng	13.186.508.327
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.133.070.606
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	854.875.133.286
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(791.418.962.801)



Đinh Duy Kỳ Vũ
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25	8. Chi phí bán hàng	13.186.508.327
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.133.070.606
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	3. Tiền thu từ đi vay	854.875.133.286
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(791.418.962.801)



Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Phạm Minh Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Số: **305** /2015-TH-TH1

V/v: Công bố báo cáo tài chính kiểm toán
6 tháng đầu năm 2015

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngõ Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.39386315 Fax: 04.38259894
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Phan Thu Anh**
Địa chỉ: Số 66 Ngõ 444 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại : 04.39386315
6. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2015 bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh BCTC.
 - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014: 4.943.814.338 đồng
 - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015: 1.649.207.121 đồng
 - Giảm so với 6 tháng đầu năm 2014: 3.294.607.218 đồng
 - Giảm tương đương: 66,64%

* **Giải trình:** 6 tháng đầu năm 2015, lợi nhuận công ty đã giảm 66,64% so với cùng kỳ năm ngoái là do :

 - Trong sáu tháng đầu năm 2015, Ngân hàng nhà nước 2 lần điều chỉnh tỷ giá giữa đồng USD và VND (mỗi lần 1%) khiến chi phí lãi vay của Công ty tăng do Công ty vay nợ chủ yếu bằng USD, trong khi doanh thu từ xuất khẩu chưa về kịp;
 - Công ty tăng trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi;
 - Sau làm việc với Cục thuế Hà Nội, Công ty điều chỉnh tăng thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh BĐS, điều chỉnh lại thuế GTGT được hoàn cũng làm tăng chi phí của Công ty.

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: www.generalexim.com.vn vào ngày 14/08/2015.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu VT, Tổng hợp.

Người thực hiện công bố thông tin



PHAN THU ANH